

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 48, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 04/2025/TLST-KDTM ngày 15/01/2025 của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội, về việc “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH sản xuất và thương mại T

Địa chỉ: Quốc lộ X, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình C - Chức vụ: Giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Minh D, sinh năm 1981; bà Lê Thu Hà A, sinh năm 1993 và bà Nguyễn Mỹ A1, sinh năm 2001.

(Theo văn bản ủy quyền số 243/2024/GUQ-TDH.HY ngày 25/12/2024 của Công ty TNHH sản xuất và thương mại T).

- Bị đơn: Công ty TNHH hai thành viên phân phối nước sạch huyện

S, D, G.

Địa chỉ: Xóm 1, xã T (nay là xã P), huyện G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đặng Hữu T1** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Công ty TNHH hai thành viên phân phối nước sạch huyện S, D, G xác nhận còn nợ Công ty TNHH sản xuất và thương mại T số tiền nợ gốc phải thanh toán theo Hợp đồng số 08/2019/DA1/TM-VĐ/CCVT-ON ngày 15/4/2019, Hợp đồng số: 2019/DA1/ON/ML-DT ngày 09/8/2019 và Phụ lục Hợp đồng số 2019/DA1/ON/ML-DT/PLHĐ ngày 11/11/2019 là: 13.246.788.687 đồng.

Tiền lãi chậm trả trên dư nợ gốc tính đến ngày 17/02/2025 là: 6.761.621.714 đồng. Trong đó:

+ 1.448.200.119 đồng (Hợp đồng 08/2019 ngày 15/4/2019);

+ 5.313.421.595 đồng (Hợp đồng 2019/DA1 09/8/2019).

Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi là: 20.008.410.401 đồng.

Trường hợp Công ty TNHH hai thành viên phân phối nước sạch huyện S, D, G thanh toán đầy đủ toàn bộ số dư nợ gốc cho T trước ngày 01/7/2026 thì Công ty TNHH sản xuất và thương mại T miễn toàn số tiền lãi chậm trả như đã nêu ở trên.

Trường hợp Công ty TNHH hai thành viên phân phối nước sạch huyện S, D, G không thanh toán đủ số tiền phải thanh toán của mỗi đợt thanh toán tại phần phương thức thanh toán thành nhiều đợt đã nêu ở trên thì Công ty TNHH hai thành viên phân phối nước sạch huyện S, D, G phải trả:

+ Số tiền dư nợ gốc còn lại của đợt thanh toán;

+ Số tiền lãi suất chậm trả 10%/năm trên số tiền chậm thanh toán từng đợt, tính từ ngày đến hạn thanh toán của đợt đó cho đến ngày Công ty TNHH hai thành viên phân phối nước sạch huyện S, D, G trả thực tế.

2. Phương thức thanh toán thành nhiều đợt, cụ thể như sau:

Đợt thanh toán	Ngày cuối cùng phải thanh toán	Số tiền CT Nước G phải thanh toán theo mỗi đợt (đồng)
1	28/02/2025	150.000.000
2	31/3/2025	150.000.000

3	29/4/2025	150.000.000
4	31/5/2025	150.000.000
5	30/6/2025	3.800.000.000
6	31/7/2025	150.000.000
7	31/8/2025	150.000.000
8	30/9/2025	150.000.000
9	31/10/2025	150.000.000
10	30/11/2025	3.800.000.000
11	31/12/2025	150.000.000
12	31/01/2026	150.000.000
13	28/2/2026	150.000.000
14	31/3/2026	150.000.000
15	30/4/2026	150.000.000
16	31/5/2026	150.000.000
17	30/6/2026	3.546.788.687
Tổng số tiền phải thanh toán:		13.246.788.687

3. Hình thức thanh toán: Công ty TNHH hai thành viên phân phối nước sạch huyện S, D, G thanh toán bằng phương thức chuyển khoản vào số tài khoản của Công ty TNHH sản xuất và thương mại T theo thông tin như sau:

Số tài khoản: 0591001573889 - Tại: Ngân hàng V

Chủ tài khoản: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI T

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

4.1. Công ty TNHH hai thành viên phân phối nước sạch huyện S, D, G tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 32.002.000 đồng.

4.2. Công ty TNHH sản xuất và thương mại T tự nguyện chịu $\frac{1}{2}$ án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 32.002.000 đồng; được khấu trừ vào số tiền

64.472.000 đồng tạm ứng án phí mà Công ty TNHH sản xuất và thương mại T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0065753 ngày 13/01/2025 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện G, thành phố Hà Nội. Nay, Công ty TNHH sản xuất và thương mại T được hoàn trả số tiền là 32.470.000 đồng.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Vũ Quang Dũng